

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN NAM SÁCH**  
**TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2019.

*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Quýnh, bà Bùi Thị Quy.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:** Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐHPTST-DS ngày 10/05/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Linh Thị T, sinh năm 1981;

ĐKKHKT: L, A, N, Hải Dương;

Địa chỉ: T, N, N, Hải Dương. Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1980;

Địa chỉ: L, A, N, Hải Dương. Vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

Bà Trần Thị V, sinh năm 1962; Địa chỉ: T, N, N, Hải Dương; Vắng mặt.

Ông Trương Văn Đ1, sinh năm 1955; Địa chỉ: L, A, N, Hải Dương. Vắng mặt.

Bà Mạc Thị B, sinh năm 1958; Địa chỉ: L, A, N, Hải Dương; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Linh Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, N, Hải Dương ngày

29/6/2007. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau chung sống cùng bố mẹ anh Đ ở thôn L, A, N một thời ngắn thì thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do công việc làm ăn thu lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, anh Đ thường xuyên uống rượu say, chửi bới xúc phạm chị và bố mẹ chị. Chị nhiều lần khuyên bảo động viên anh Đ bỏ rượu tu chí làm ăn nhưng anh Đ không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Đến tháng 11/2018 chị bỏ về sống với bố mẹ đẻ ở T, N, N, sống ly thân với anh Đ. Anh Đ có 02 lần đến gặp và xin lỗi chị nhưng chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nữa nên không về. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Trương Khánh L – sinh ngày 23/5/2008 và Trương Hải M – sinh ngày 23/12/2009, hiện nay con chung Trương Khánh L đang ở cùng chị, còn con chung Trương Hải M đang ở cùng anh Đ ở nhà ông bà nội, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đi làm lao động tự do thu nhập khoảng 10.000.000đ – 12.000.000đ/tháng nên vẫn đảm bảo việc nuôi con. Về chỗ ở chị đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, N, N, Hải Dương nên vẫn đảm bảo chỗ ở để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Trương Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Linh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, N, Hải Dương ngày 29/6/2007. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Anh chị đều làm lao động tự do, hay vắng nhà nên phải gửi con nhờ ông bà nội, ông bà ngoại trông nom, chăm sóc, ngày nghỉ lễ tết, anh chị vẫn đi lại hai bên gia đình. Đến tết âm lịch năm 2018 chị T về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay không về chung sống cùng anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, luôn yêu thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Hiện anh vẫn nhắn tin cho chị T giải thích cho chị T hiểu về cuộc sống gia đình, trách nhiệm với con cái để chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ nhưng chị T không có ý kiến gì, nay anh đề nghị Tòa án hòa giải động viên để anh chị đoàn tụ, ngoài ra anh không có hướng khắc phục nào khác.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trương Khánh L– sinh ngày 23/5/2008 và Trương Hải M– sinh ngày 23/12/2009, do không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Cháu Trương Khánh L, Trương Hải M trình bày:* Các cháu là con của mẹ T, bố Đ, nếu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là Linh Thị T.

*Người làm chứng :*

Bà Trần Thị V (mẹ đẻ chị T) trình bày: Quá trình vợ chồng chị T anh Đ chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do công việc làm ăn thu lỗ, anh Đ hay uống rượu say chửi bới, xúc phạm chị T, nhiều lần anh Đ gọi điện thoại chửi bới xúc phạm gia đình bà. Chị T nhiều lần khuyên bảo, động viên anh Đ bỏ rượu nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, gia đình cũng nhiều lần động viên, hòa giải giúp anh chị nhưng không thành. Tháng 11/2018 chị T bỏ về nhà bà sống ly thân với anh Đ, anh Đ có một vài lần đến tìm gặp chị T nhưng không hòa giải được mâu thuẫn mà còn chửi bới chị T và gia đình bà nên chị T cương quyết không quay về. Hiện nay chị T và con là cháu Trương Khánh L đang ở nhà bà, chị T làm lao động tự do, thời gian chị T vắng nhà bà thay mặt chị T chăm sóc các cháu.

Ông Trương Văn Đ1, bà Mạc Thị B (bố mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Anh Đ và chị T sau khi kết hôn chỉ chung sống cùng gia đình ông bà thời gian ngắn thì thuê nhà ra ở riêng và làm nghề lao động tự do nên ông bà không rõ mâu thuẫn của anh chị như thế nào. Tết âm lịch năm ngoái vợ chồng chị T ở nhà ăn tết với ông bà được 2 hôm thì chị T đưa con gái là cháu L về nhà ông bà ngoại ở từ đó không về nhà ông bà nữa. Hiện nay anh Đ và con trai là cháu M vẫn ở cùng ông bà nhưng do anh Đ đi làm lao động tự do nên hay vắng mặt ở nhà. Ông bà đã thông báo cho anh Đ về việc Tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh Đ bận đi làm nên không về được. Việc có tiếp tục chung sống cùng với nhau nữa hay không là do anh chị tự quyết định, ông bà không có quan điểm gì về việc đó. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh Đ có hai con chung là Trương Khánh L, Trương Hải M, hiện nay cháu M vẫn đang ở cùng ông bà, nguyện vọng của cháu L, cháu M muốn ở với bố hay mẹ là của các cháu ông bà không có ý kiến gì. Trường hợp cháu M vẫn muốn tiếp tục ở với bố, ông bà sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc chăm sóc cháu những khi anh Đ đi làm vắng nhà.

Theo tài liệu xác minh tại Công an xã A và Trưởng thôn L thể hiện: Về mâu thuẫn vợ chồng của anh Đ, chị T địa phương không rõ vì anh chị làm lao động tự do hay vắng mặt tại địa phương. Tết năm ngoái vẫn thấy chị T và anh Đ về ăn tết cùng với ông Đ1, bà B nhưng chỉ được khoảng 2 hôm thì chị T và con

gái về nhà bố mẹ đẻ ở T, N đến nay vẫn không thấy chị T về. Anh Trương Văn Đ hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và sống cùng bố mẹ đẻ nhưng anh Đ thường đi làm vắng nhà, còn cụ thể anh Đ làm gì, ở đâu địa phương không rõ.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đ vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị giao cho chị tiếp tục nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho chị T ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi hai con chung là Trương Khánh L– sinh ngày 23/5/2008 và Trương Hải M– sinh ngày 23/12/2009, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Linh Thị T, anh Trương Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/6/2007 tại UBND xã A, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, công việc làm ăn thu lỗ, nợ nần nhiều, anh Đ thường xuyên uống rượu say chửi bới, xúc phạm chị. Nhiều lần chị động viên, khuyên can anh Đ bỏ rượu nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, tháng 11/2018 chị và anh Đ sống ly thân. Anh Đ trình bày vợ

chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và phát triển kinh tế gia đình. Anh không đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, anh luôn yêu thương vợ con. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Trần Thị V. Anh Đ cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải đồng ý để anh chị đoàn tụ. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa tham gia phiên hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, chứng tỏ anh Đ không mong muốn hòa giải để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, có ý thức bỏ mặc. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Đ. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T ly hôn anh Đ.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Đ có 02 con chung là Trương Khánh L– sinh ngày 23/5/2008 và Trương Hải M– sinh ngày 23/12/2009. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xét thấy tại biên bản ghi lời cháu Trương Khánh L, Trương Hải M khai ( BL 28, 29) đều trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ, anh Đ không thể hiện quan điểm về con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung là Trương Khánh L, Trương Hải M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Linh Thị T ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Khánh L, sinh ngày 23/5/2008 và Trương Hải M, sinh ngày 23/12/2009 cho chị Linh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Trương Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Chị Linh Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2017/0004478 ngày 14 tháng 02 năm 2019.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**